

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2024

“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Trần Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 341/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Quách Thị N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 230, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ.

*Bị đơn:* Phạm Văn N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Quách Thị N trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Quách Thị N và anh Phạm Văn N kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đ ngày 31/8/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2005, chị N sinh được hai con gái thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh N không quan tâm đến chị N, không phụ chị N chăm sóc con và gia đình, thường xuyên nhậu và kiếm chuyện vô cớ, chị N đã khuyên anh N nhiều lần và cho anh N thời gian để thay đổi mà hàn gắn tình cảm vợ chồng cho các con có đủ cha và mẹ nhưng anh N không thay đổi. Quá bức xúc và không thể tiếp tục sống chung với anh N nên năm 2012 chị N ôm hai đứa con gái về nhà cha mẹ ruột chị N sống ly thân với anh N đến nay khoảng 12 năm.

Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh N, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn. Nay, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn N.

*Về con chung:* Chị Quách Thị N và anh Phạm Văn N có hai con chung tên Phạm Ngọc A, sinh ngày 18/5/2005 và Phạm Ngọc E, sinh ngày 18/5/2005. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành và đang sống chung với chị N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn N:*** Không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Anh N đang sinh sống tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân của chị N và anh N được xác lập vào năm 2004, do chị N tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2004 tại UBND xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án thông báo cho anh N, yêu cầu anh N trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng anh N vẫn không có ý kiến.

Xét thấy, chị N và anh N có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh N, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh N có hai con chung Phạm Ngọc A, sinh ngày 18/5/2005 và Phạm Ngọc E, sinh ngày 18/5/2005. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành và đang sống chung với chị N nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết; Anh N không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; Anh N cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Về tiền án phí:** Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị N, chị Quách Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn N.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về tiền án phí:* Chị Quách Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009976 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, chị Quách Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Chị Quách Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Chi cục THADS TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đ  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 31/8/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Liên**